

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**Tập 449****Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư****Chuyển ngữ: Minh Tuệ****Biên tập: Nguyên Tâm****Thời gian: 11.06.2011****Địa điểm: Cương Sơn Tịnh Tông Học Hội_Nhật Bản**

Chư vị Pháp sư, quý vị Phật tử, mời ngồi.

Xin xem câu cuối, hàng thứ năm, trang 569 trong Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh giải:

“Tán ngôn chi, như Pháp Tạng chi Tâm Kinh Lược Sớ viết: Ư sự lý vô ngại chi cảnh, quán đạt tự tại, cố lập thữ danh_ Quán Tự Tại. Hựu quán cơ vãng cứu, tự tại vô thất, cố dĩ danh vi_ Quán Thế Âm. Tiền thích tự trí, hựu thích tự bi”

Đây là cách giải thích danh hiệu Bồ Tát trong Tâm Kinh Lược Sớ, sự là sự tướng, lí là lí thể. Cảnh giới lý sự vô ngại, quán đạt tự tại, đây chính là lí sự vô ngại, sự sự vô ngại. Đi vào cảnh giới như thế mới được gọi Bồ Tát Quán Tự tại.

“Hựu quán cơ vãng cứu”, đây là cảm ứng đạo giao với chúng sinh, chúng sinh có cảm, Bồ Tát liền ứng, cảm ứng đạo giao là không thể nghĩ bàn. Chỉ cần đem tâm chân thành để mong cầu thì chắc chắn Bồ Tát sẽ đến, cốt yếu là phải chân tâm. Chân tâm chính là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là không có tạp niệm.

Đương nhiên con người khi gặp thiên tai, chắc chắn phải có lí do, đó là sự chiêu cảm của nghiệp bất thiện. Nghiệp bất thiện có thể được tạo ra trong quá khứ, cũng có thể do tạo ra trong hiện tại, có điều, bất luận được tạo quá khứ hay hiện tại đều có thể sám hối. Nếu không sám hối mà cứ cầu Bồ Tát đến cứu mình thì Bồ Tát cũng không có cách nào để đến. Phải thực tâm sám hối, từ nay về sau không tái phạm thì lúc đó việc cầu mới linh nghiệm, chúng ta chắc chắn phải hiểu sâu sắc vấn đề này.

Những nghiệp tạo ra trong quá khứ được sám hối rồi thì việc cảm ứng càng rõ ràng hơn, những tội nghiệp nặng nề được tạo trong hiện tại, nếu chí tâm sám hối cũng sẽ được tiêu trừ. Từ xưa đến nay những trường hợp như thế này cũng thường xảy ra, bởi lòng từ bi vô hạn của Bồ Tát.

Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “Không gì quý giá bằng lãng tử hồi đầu”, cho dù tội nặng như ngũ nghịch, thập ác đi nữa thì chỉ sợ quý vị không chịu phản tỉnh, quay đầu là bờ, quay đầu là được cứu. Quan trọng là ở chỗ tâm thành mới có thể cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ Tát. Đại sư Ấn Quang thường nói: “Thành kính một phần thì được một phần lợi ích, thành kính mười phần thì được mười phần lợi ích, trăm phần thành kính thì được trăm phần lợi ích, nghìn phần thành kính thì được nghìn phần lợi ích”.

Phần trước chúng ta đã nói đến sự đối xử cực kì cung kính với ngũ tổ Hoàng Nhẫn, của đại sư Huệ Năng đời nhà Đường. Khi nghe ngài Hoàng Nhẫn giảng kinh, chúng ta dự tính khoảng hơn hai giờ đồng hồ. Ngài là người mù chữ, xưa nay chưa bao giờ nghe kinh, chưa bao giờ nghe pháp. Suốt thời gian tám tháng tại Hoàng Mai, ngài chưa từng đến giảng đường, cũng chưa từng đến thiền đường, lão hoà thượng chỉ chia cho Ngài việc chẻ củi và giã gạo ở nhà bếp, ngày nay chúng ta gọi việc này là làm công quả. Làm những công việc nặng nhọc suốt tám tháng như thế, nhưng khi nghe giảng kinh hai tiếng đồng hồ Ngài thành Phật ngay, phàm phu thành Phật, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ngài nhờ vào những gì?

Chúng tôi phân tích giúp quý vị nhé, ngài thành kính vạn phần nên được vạn phần lợi ích, Ngài đạt đến sự viên mãn, máu chốt vẫn là sự thành kính. Chúng ta cầu khai ngộ, muốn nhất tâm, cầu sanh Tịnh Độ, nhưng không có tâm thành kính thì làm sao được. Chí thành cung kính là bí quyết thành công của tất cả những người tu hành từ quá khứ, hiện tại, cho đến vị lai.

Ngày nay Phật pháp đang suy đồi, một phần lí do cũng bởi quá ít người thực sự có lòng thành kính, phần nhiều đều là phù phiếm, xúc nổi, vì thế trở ngại là điều khó tránh. Giống như chúng ta đây, chúng ta có thể nuôi dưỡng tâm thành kính không? Được, chỉ cần bạn quyết tâm. Đầu tiên là cắt hết những thứ gây trở ngại tâm thành kính, lúc đó tâm thành kính mới lộ diện được

Những thứ gây trở ngại tâm thành kính đó là giả tạo, việc dụng tâm ngày nay của chúng ta, nói thật toàn là tâm giả dối, không chân thật, thay đổi chóng vánh, đó là thứ phổ biến nhất trong xã hội ngày nay. Bởi thế không ai tin tưởng ai, tự mình cũng không tin chính mình. Sự đổi thay quá nhanh chóng, thấy khác là muốn thay đổi, không tìm thấy một chút thành kính trong đó. Đây là một chướng ngại cực lớn trong sự nghiệp học tập của chúng ta. Vậy nên ta phải đào thải tất cả những thứ giả tạo đó, buông bỏ, đừng ngó ngang đến nó nữa. Lòng thành là thứ vốn có trong tự tánh, đó là tánh đức nên chỉ cần buông bỏ chướng ngại là tâm thành kính có mặt ngay.

Biểu hiện rõ nhất của lòng giả dối là tự tư tự lợi, đó là sự không có thật, rõ nhất là tự tư, tự lợi. Nhưng liệu có thể tự lợi được không? Không thể, tại sao? Những người có trí tuệ mới có thể thực sự tự lợi, người không có trí tuệ thì chỉ có tạo nghiệp, nhận quả báo không tốt. Nếu thực sự họ tự lợi được thì làm sao lại tạo nghiệp, làm sao lại cắm đầu vào địa ngục, không thể nào! Bởi thế tự bản thân họ lừa dối họ, ngu muội vô tri, những người này trong kinh gọi là kẻ đáng thương. Nếu nhân duyên thù thắng, mỗi ngày đều nghe kinh nghe pháp, huân tu trong thời gian dài, dần dần họ sẽ giác ngộ.

Trong xã hội ngày nay, người giảng kinh rất ít, người thực tâm tu hành cũng không bao nhiêu, kinh giáo ta có được đều nhờ internet, vệ tinh, mọi nơi đều có thể học được. Tuy ngồi đây nhưng chúng ta cũng có thể cùng học tập với tất cả mọi người, ngay những người bạn học ở Mỹ, Australia, Nam Dương, Trung Quốc đại lục cũng có thể thấy, nghe được, đó là một nhân duyên thù thắng. Trước đây không có những loại phương tiện này, nên việc giảng kinh đã khó, mà được nghe kinh lại càng khó hơn. Ngày nay khoa học đã phát triển, chúng ta nên tận dụng cơ hội này.

Chúng ta cũng nên nghĩ đến một ngày nào đó tai nạn sẽ thành linh xảy đến, tất cả những thành tựu khoa học kỹ thuật sẽ không còn nữa, những cơ hội tốt này sẽ không còn, thứ có thể được tin cậy nhất đó là thư tịch. Một lượng lớn kinh điển được lưu hành đó là công đức rất lớn. CD, VCD... cũng chưa thể yên tâm, vì nếu không có nguồn điện thì nó cũng thành thứ vô dụng. Bởi thế thứ gì cũng tạm bợ, những gì không mang theo được thì nên buông bỏ.

Cái gì mới là thật? Tánh đức là thật, tự tánh là thật, đức năng trí tuệ vốn sẵn trong tự tánh là thật. Đó là thứ không sinh không diệt, chỉ cần chúng ta đẩy lui những chướng ngại thì nó sẽ có mặt, chúng ta sẽ cảm ứng đạo giao với Bồ Tát.

Tiếp theo: “Đại Bồ Tát này với Bồ Tát Đại Thế Chí, đứng hầu hai bên Phật Di Đà, ủng hộ việc giáo hoá của Phật, thường được gọi là Tây Phương Tam Thánh”. Những hình ảnh này mọi người đã thấy rồi, người học Tịnh Độ rất quen thuộc. “Hiền Giáo gọi vị Bồ Tát này là đệ tử Phật Di Đà, Mật Tông cho rằng đó là hoá thân Phật A Di Đà”. Mật Tông không chấp nhận Quan Âm, Thế Chí là đệ tử Phật Di Đà, mà chỉ là hoá thân của Phật, vì Quan Âm người bản địa cho rằng là Chánh Pháp Minh Như Lai, điều này được thể hiện trong kinh do đức Phật nói.

Vậy rốt cục Bồ Tát Quan Thế Âm là ai, chúng tôi khẳng định một lần nữa với quý vị, danh hiệu Bồ Tát Quan Thế Âm là danh hiệu chung, không dành riêng để gọi một vị Bồ Tát nào. Quý vị tu pháp môn Bồ Tát Quan Thế Âm thì

quý vị đã là Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Quan Thế Âm có bao nhiêu đẳng cấp? Nếu nói theo Kinh Hoa Nghiêm, từ địa vị Thập Tín, bắt đầu từ Bồ Tát ở địa vị Sơ Tín đến Đẳng Giác có 51 cấp. Vậy Bồ Tát Quan Thế Âm đứng chỗ nào trong các đẳng cấp đó, đây là vấn đề cần phải biết.

Chúng ta thường nói Bồ Tát Quan Thế Âm là Bồ Tát Đẳng Giác, nhưng trong Kinh Lăng Nghiêm chúng ta thấy rất rõ ràng Quan Thế Âm là Bồ Tát Sơ Trú. “Nhị thập ngũ viên thông”. Ngài nói khi Ngài khai ngộ, khai ngộ đồng nghĩa với đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chứng đắc pháp thân, đây thực sự là một vị Phật, Bồ Tát Sơ Trú trong Viên Giáo.

Nhưng chúng ta đã thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử đến thăm Bồ Tát Quan Thế Âm, vị Bồ Tát này đứng vị trí thứ bảy trong mười hồi hướng.

Phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Quan Thế Âm là Bồ Tát Quan Âm Đẳng Giác, quý vị thấy có sự sai biệt về đẳng cấp rất lớn. Trong Kinh Lăng Nghiêm là Thập Trú, Sơ Trú. Thập trú, Sơ trú ngang với học sinh năm đầu của trung học. Trong Kinh Hoa Nghiêm là Thập Hồi Hướng, Thập Hồi Hướng ví như đại học, mỗi giai đoạn của nó có mười vị thứ, là Bồ Tát lớp bảy. Bồ Tát Quan Thế Âm trong phẩm Phổ Môn là nghiên cứu sinh của lớp tiến sĩ, hoàn toàn khác nhau, nhưng cùng là Bồ Tát Quan Thế Âm, không phải giả

Tại những nơi khác nhau, Bồ Tát Quan Thế Âm, dùng những thân hình khác nhau để thị hiện, vấn đề này cần nói cho rõ. Về vị thứ của việc tu học, Bồ Tát Quan Thế Âm cũng cần nói cho rõ, cả hai mặt đều có.

Trong cách nhìn của chúng ta ngày nay, cầu Bồ Tát Quan Thế Âm, tất cả Bồ Tát Quan Thế Âm đều có cảm ứng đạo giao với chúng ta. Bồ Tát Quan Thế Âm nào có duyên với ta thì vị đó sẽ đến, đây là chân lý bất di bất dịch, tại sao? Phật Bồ Tát không độ những người vô duyên, vô duyên có nghĩa là ta không tin ngài, trong hội ngài ta không thể phát tâm Bồ Đề, vì thế chúng ta phải nắm rõ nguyên tắc này.

Chúng ta nghe nhiều người bàn tán người nào đó là Bồ Tát nào đó tái sanh, Phật nào đó tái sanh, nhưng chúng ta phải hiểu được thực tướng các pháp, liệu có thể nói được như thế chăng? Được, bởi vì tất cả chúng sanh vốn là Phật, vậy thì có gì để thắc mắc nữa.

Chúng ta đã tìm ra câu trả lời, mỗi chúng sanh vốn là mỗi vị Phật, Bồ Tát là người đang ở giai đoạn tu học để thành Phật. Quý vị đang ở giai đoạn nào? Bởi thế chúng ta thường nghe nói người nào đó là vị Phật gì đó tái sanh, Bồ Tát nào đó tái sanh. Những người tu Tịnh Độ Tông đều là Phật A Di Đà, tu

theo Kinh Địa Tạng là Bồ Tát Địa Tạng, tu theo Phạm Phổ Môn là Bồ Tát Quan Thế Âm, vấn đề này cần phải hiểu, không có gì kỳ lạ.

Vì thế ta phải hiểu thật rõ chân tướng sự thực, nghe lời người ta nhưng phải theo dõi hành động của họ. Nếu lời nói của họ không đi đôi với hành động, có thể kết luận đó là Bồ Tát giả, mạo danh Bồ Tát, đó không phải thật. Một vị Bồ Tát thực thụ phải có lời nói đi đôi với việc làm.

Ví như có người nói đại sư Ấn quang là Bồ Tát Đại Thế Chí Bồ Tát tái sanh. Chúng ta cứ bình tâm hồi tưởng lại những hành động trong suốt cuộc đời đại sư Ấn Quang, để xem có giống Bồ Tát Đại Thế Chí không? Rất giống! Bạn cứ giờ kinh ra để đối chiếu với những lời ăn, tiếng nói, cử chỉ, hành động của cuộc đời đại sư Ấn Quang, giống như đúc.

Bồ tát Đại thế chí chứng quả khi tu Niệm Phật viên thông, suốt đời đại sư Ấn Quang dạy người niệm Phật, một câu A Di Đà Phật. Ba thứ rõ ràng, đó là phương pháp của ngài, rất có ích lợi với chúng ta ngày nay. Niệm Phật rõ ràng, lời niệm danh hiệu Phật không cần quá nhanh, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, cứ niệm từ từ như thế. Thật rõ ràng mỗi chữ, niệm thật rõ ràng làm sao để tai ta có thể nghe được. Đừng nghe tiếng người khác niệm, nghe thật rõ ràng tiếng niệm Phật của ta, đây gọi là đếm số, đếm từ một đến mười, kể đó lại bắt đầu đếm lại từ một đến mười, cứ đếm như thế. Với danh hiệu Phật đó thì tiếng niệm của ta là tiếng thứ mấy, ghi nhớ thật rõ ràng, không được nhầm lẫn.

Đây là phương pháp có thể nhiếp được tâm khi niệm, có nghĩa vọng niệm không thể xen vào được, khi vọng niệm xen vào ta sẽ quên mất số thứ tự, lúc đó ta nên bỏ luôn những số đã quên đó và bắt đầu đếm lại. Quý vị cứ tiếp tục niệm, niệm đến khoảng bốn, năm tiếng đồng hồ thì tạp niệm sẽ không xen vào được nữa. Lúc đó quý vị cảm thấy tinh thần mình được thư thái, mấy tiếng đồng hồ vẫn không thấy mệt, rất thoải mái khi niệm, thấy tràn đầy niềm vui trong giáo pháp, phương pháp này rất thích hợp cho người hiện đại muốn học tập.

Không cần dùng chuỗi hạt, không cần đếm số, quý vị đừng để ý có ai đó niệm hàng vạn tiếng mỗi ngày, chỉ cần nhớ từ một đến mười, một đến mười, một đến mười, cứ theo cách đó, rất nhiếp tâm.

Rắc rối nhất của việc niệm Phật đó là tạp niệm, mà tạp niệm vẫn thường xảy ra, có chút khó khăn khi mới bắt đầu phương pháp này, đừng lo lắng, độ hai, ba tuần là khắc phục được. Quý vị sẽ trở về trạng thái bình thường, đừng e ngại với những trở ngại ban đầu, cứ thế mà niệm, khi công đức đầy đủ thì sẽ niệm với tâm chân thành. Vì sao? Lúc đó tạp niệm đã hết, tâm liền được chân thành. Tâm không chân thành là thế nào? Nhiều vọng niệm, vọng niệm xen

lẫn vào trong đó và phá hoại tâm chân thành của chúng ta. Nếu không có vọng niệm thì tâm chân thành sẽ có mặt và cảm ứng đạo giao sẽ đến.

Vì vậy, chỗ của Bồ Tát Quan Âm là nói về thế giới Cực Lạc, Bồ Tát Quan Thế Âm bên cạnh Phật A Di Đà là chỉ người này, đó không phải là người bình thường mà ngài là người đã thành Phật từ rất sớm, có danh hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai. Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni nói: “Bồ Tát Quan Thế Âm có sức oai thần bất khả tư nghị, đã thành Phật trong vô lượng kiếp về trước, có danh hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai”, bởi thế thực sự ngài là một người đã thành Phật từ lâu.

Phật A Di Đà thị hiện ở thế giới Cực Lạc, kiến lập đạo tràng để tiếp dẫn chúng sinh. Bồ Tát đã có nhân duyên sâu nặng với Phật A Di Đà, nên khi Phật đang giáo hoá thì ngài đến đó để giúp đỡ với thân phận của một vị Bồ Tát. Đây được coi là đã giáng xuống một cấp bởi ngài đang mang dáng dấp Bồ Tát để giúp đỡ Phật A Di Đà giáo hoá chúng sinh.

“Vì muốn dùng nguyện lực đại bi để khơi gợi cho tất cả những Bồ Tát khác đem lại an lạc cho chúng sinh nên mới hiện thân Bồ Tát”. Ngài thị hiện dưới dạng một vị Bồ Tát, đây chính là trong nhà Phật thường nói: “Chèo thuyền từ quay trở lại”, thành Phật rồi, quay trở lại địa vị Bồ Tát để giúp đỡ Phật A Di Đà.

Một thế giới chính là một đạo tràng, chỉ có một vị chủ trì, không thể có hai. Phật là vị chủ trì đạo tràng, vì thế một đạo tràng chỉ có một vị Phật, không thể có thêm một vị nữa, những vị Phật khác đến đó, tất cả đều dưới dạng một vị Bồ Tát. Như trong một ngôi trường, chỉ có một hiệu trưởng, những giáo viên khác muốn đến đó giảng dạy thì cũng đến với tư cách một giáo sư chứ không thể làm hiệu trưởng được. Bồ Tát chính là tư cách giáo sư, tất cả các đức Phật Như Lai khi đến thế giới Cực Lạc đều đến với tư cách giáo sư.

Những vị đến với tư cách như Quan Âm, Thế Chí rất đông, có phải là những vị ấy không có đạo tràng hay không? Họ vẫn có, ở đạo tràng của mình, họ là Phật, là hiệu trưởng. Nhưng khi đến dạy ở đây, họ đến với tư cách giáo sư, đây là một sự thực. Nếu bạn muốn đến thế giới các vị ấy, đến thăm quốc độ những vị ấy, rất dễ, mỗi ngày bạn đều có thể đi.

Bởi thế, tu học ở thế giới Cực Lạc là một điều rất tuyệt vời, những vị giáo sư đều là Phật Như Lai hoá thân thành Bồ Tát. Nhất định phương hướng giảng dạy của họ sẽ hoàn toàn tương đồng với tôn chỉ Phật A Di Đà, đó là gì? Một câu danh hiệu Phật, bất kỳ một vị Phật, Bồ Tát nào khi đến thế giới Cực Lạc để giúp đỡ Phật A Di Đà dạy học, đều dùng một câu danh hiệu Phật. Chắc chắn không sử dụng những pháp môn khác, nếu sử dụng những pháp môn khác thì pháp môn Tịnh Độ sẽ bị phá vỡ.

Như câu nói của người xưa: “Thà đánh động nước trăm con sông chứ nhất định không đánh động tâm trí người học đạo”. Bất kì pháp môn nào khác cũng đều ca ngợi pháp môn này, có nghĩa là các đức Phật ca ngợi lẫn nhau. Ngạn ngữ nhân gian có câu: “Nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ có tăng khen tăng”, người xuất gia khen ngợi lẫn nhau thì Phật pháp mới hưng vượng. Nếu những người xuất gia cứ giữ cái nhìn hẹp hòi, mỗi người cứ tăng bốc, ca ngợi chính mình, khen mình chê người, không có sự giao tế thì Phật pháp sẽ suy tàn, huỷ diệt.

Ngày nay không nhiều người trên thế gian hiểu được đạo lí này, bởi thế những đạo tràng thông thường liệu có ai dám thỉnh người đến giảng kinh, dạy học chẳng? Không dám, bởi vì thỉnh người khác đến họ nói những bài vở của họ, tông chỉ của họ không giống những gì bạn đã đặt ra. Họ tự khen ngợi pháp môn của mình, khen ngợi phương pháp tu hành của mình, phê bình người khác, khiến học sinh Phật Học Viện xảy ra những tình trạng như thế, khiến học sinh sau khi nghe xong không biết phải học theo ai.

Giáo thọ của Phật Học Viện nhiều như vậy, rất nhiều những buổi giảng như thế, ai cũng tự khen mình hay, đôi lúc còn phê bình người khác, khiến cho học sinh bối rối, không biết theo ai. Bản thân tôi cũng đã vấp phải trường hợp này, vì vậy sau đó tôi quyết không dạy ở Phật học viện nữa, vì không có cách nào để dạy.

Bây giờ chúng tôi mới hiểu được nỗi khổ tâm của cư sĩ Lí Bình Nam, khi ông đang ở Đài Trung. Ông xây dựng Hội Niệm Phật, hội Niệm Phật Đài Trung chính tự tay ông xây dựng, ông ở đó đến 38 năm. Ông một mực cung kính, lễ bái, cúng dường những vị đại đức lui tới Đài Trung, đôi lúc ông còn thỉnh những vị đó đến để cúng trai tăng, song chưa bao giờ thỉnh họ diễn giảng, không thỉnh những vị ấy giảng kinh, tại sao? Những liên hữu ở hội niệm Phật chuyên tu pháp môn tông Tịnh Độ, họ lại giảng những pháp môn khác, phê bình Tịnh Độ Tông, rắc rối sẽ rất lớn.

Có vị pháp sư kia khá nổi tiếng, có lần ông ta phê bình, làm cho một bộ phận những người đồng tu hoang mang, không biết phải theo ai. Sau khi ông ta đi khỏi đó, thầy lại phải giảng giải chi tiết lại cho tất cả mọi người, dần dà tâm mọi người ổn định trở lại. Đôi lúc phải mất mấy tháng trời, vì thế từ đây về sau ông không thỉnh nữa. Khi đến Đài Trung tôi thấy là lạ, có cảm giác tâm lòng thầy không được rộng rãi, làm sao bao dung được người khác, sau này tôi mới hiểu.

Không phải ngày xưa, ngày xưa những đệ tử Phật thực tâm tu pháp môn Đại Thừa đều hiểu. Đến một đạo tràng nào đấy, đạo tràng đó tu pháp môn gì,

ta phải khen ngợi pháp môn đó, khen ngợi pháp sư đó, đây là người hiểu biết, hiểu quy củ.

Năm 1977, lần đầu rời Đài Loan, tôi gặp pháp sư Thánh Hoài tại HongKong, hình như ngài vừa vãng sanh năm ngoái. Lần đó tôi được một vị cư sĩ mời đến HongKong giảng kinh Lăng Nghiêm. Rất nhiều những vị pháp sư ở HongKong đều đến nghe tôi giảng nhưng rất ít tin đồ đến. Họ không cho tin đồ đến, chỉ có một vị, đó là pháp sư Thánh Nhất. Không những ông đến mà còn kêu gọi tin đồ đến nghe, có được một vị pháp sư như thế, quả là một điều không dễ dàng!

Chúng tôi trở thành bạn bè của nhau, ngài thỉnh tôi đến thăm đạo tràng của ngài. Vốn ngài là người tu Thiền tại chùa Bảo Lâm, núi Đại Hưng. Lần tôi đến, thiền đường của ngài có đến hơn bốn mươi người, mỗi ngày đều ngồi thiền, tu tập theo quy củ thiền môn, rất đạt.

Chúng tôi là người tu Tịnh Độ, niệm Phật A Di Đà, pháp sư Thánh Nhất thỉnh chúng tôi khai thị tại thiền đường. Chúng tôi cũng chỉ giảng khẩu đầu thiền, ca ngợi Thiền Tông, ca ngợi pháp sư Thánh Nhất, ca ngợi pháp môn Thiền, ca ngợi việc tu học của mọi người.

Về Thiền Tông, tôi chỉ giảng Kinh Kim Cang, Vĩnh Gia Thiền Tông Tập, Chứng Đạo Ca. Chúng tôi giảng rất nhiều, nhưng tất cả đều liên quan đến Thiền Tông, tôi giảng Đại Châu Hoà Thượng Ngũ Lục, bởi thế chúng tôi có thể giảng được khẩu đầu thiền.

Khi chúng tôi đi khỏi đạo tràng, có người còn theo tôi, lúc đó đoàn tu Tịnh Độ của tôi có khoảng mười mấy người. Trên đường đi, họ hỏi chúng tôi, Pháp Sư ca ngợi thiền tại sao ngài không tu thiền? Tại sao ngài lại niệm Phật? Chúng tôi trả lời: Thiền thực sự cao, chúng tôi không đủ tư cách, không thuộc căn tánh đó, thiền là để những người thuộc thượng thượng căn tu tập. Những người tu thiền đều là những người thượng thượng căn, chúng tôi làm sao không ca ngợi, không lẽ bái được. Vì thế chúng tôi biết căn tánh mình không thể sánh được với người ta. Chúng tôi có thể vãng sinh khi niệm Phật, nhưng không thể khai ngộ khi tham thiền. Bởi thế chúng tôi không thể tham thiền mà chân thành niệm Phật, cầu về cảnh giới Cực Lạc, còn việc khai ngộ khi đến thế giới Cực Lạc hãy nói.

Bởi thế con người cần phải có cái biết về mình, quý vị không phải căn tánh đó mà cứ cầm đầu học pháp môn đó thì chỉ phí thời gian, sức lực mà thôi, không bao giờ thành công. Chúng tôi đã giải thích với họ như thế, họ đã thông cảm được.

Cách khen ngợi lẫn nhau là qui tắc của nhà Phật. Quý vị xem, 53 lần tham bái trong Kinh Hoa Nghiêm, cách tu của 53 vị thiện tri thức đều không ai giống ai, nhưng bản thân mỗi người rất khiêm tốn khi ca ngợi người khác, đó là qui cũ. Nếu khen ngợi chính mình, phê bình người khác, như thế đã là phạm điều đầu tiên của giới Bồ Tát đó là “Khen mình chê người”, giới trọng! Điều này được liệt vào giới đầu tiên trong Du Già Bồ Tát giới bốn: “Khen mình chê người, đọa địa ngục Vô Gián”, quý vị nói xem tại sao tội này lại nặng đến vậy? Vì họ báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, họ huỷ báng Tam Bảo. Quý vị phê bình tức là huỷ báng Tam Bảo, pháp môn đó là do Phật nói, Phật dạy, ta huỷ báng nó tức là đã báng Phật.

Pháp là do Phật truyền, ta báng Pháp, rất nhiều người tu hành đều theo pháp đó để tu hành và thực sự thành công, thực sự khai ngộ, thực sự minh tâm kiến tánh. Ta huỷ báng những người đó thì chính là huỷ báng Phật, Pháp và Tăng, như vậy quý vị không vào địa ngục thì ai vào nữa!

Vì thế môn phái không giống nhau, kinh điển khác nhau, khác nhau về pháp môn, chỉ cần đó là do Phật truyền lại thì tất cả đều phải được tôn kính, cung kính, cúng dường. Bởi vậy chúng ta phải khiêm cung, khen ngợi người khác, đó chính là giới trọng của Phật, dứt khoát phải tuân thủ. Không những không được phê bình Phật Giáo mà với các tôn giáo khác cũng nên khen ngợi, tại sao?

Tôi có suy nghĩ thế này, lão hoà thượng Trung Thôn Khương Long người Nhật Bản, coi như ngài đã ấn chứng cho tôi, ngài đã vãng sanh mấy năm trước, thọ 103 tuổi. Mỗi lần đến Nhật tôi đều đến thăm, hầu chuyện với ngài, lần đến này, ngài đã thực sự đi xa. Tôi vẫn nhớ lần đầu tiên được diện kiến, lúc bấy giờ đã một trăm tuổi nhưng ngài rất vui vẻ. Lúc nói chuyện, ngài đã nói với tôi: Tất cả những người sáng lập tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, ngài đã nói với tôi như thế.

Đại đệ tử của ngài là Kiều Bản, hình như bây giờ Kiều Bản đang trú trì Viện Tri Ân, ngày trước là Trung Thôn, bây giờ là ông ta. Một hôm khi tiễn tôi đến cổng lớn, ông đã nói với tôi: Pháp Sư, cả đời thầy tôi chưa bao giờ nói những chuyện như thế, không hiểu sao hôm nay lại nói với pháp sư? Nghĩa là câu chuyện tất cả những người sáng lập tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, ông ta rất kinh ngạc.

Ý kiến đó hoàn toàn tương đồng với những gì chúng tôi đã nghĩ. Tất cả các tôn giáo mà chúng tôi được tiếp xúc, tất cả đều tin có thần, bởi thế chúng tôi tùy thuận họ để thuyết pháp. Cả vũ trụ chỉ có một vị thần, tất cả các tôn giáo đều là hoá thân của vị thần đó, họ tin tôi. “Thần”, đó là vị thần đang tôn thờ, ví dụ như Cơ Đốc Giáo cho rằng tất cả các tôn giáo đều là hoá thân của

Thượng Đế, có khác nhau gì đâu. Đạo Islam nói tất cả những người khai sáng tôn giáo trên thế giới đều là hoá thân của Chân Chủ.

Nếu đứng về phương diện Phật giáo, thì cách nói của Trung Thôn Khương Long là dễ hiểu nhất, tất cả đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Ba mươi hai ứng thân, muốn dùng thân nào để độ liên hiện thân ấy. Bởi thế khi vẽ hình ảnh ba mươi hai ứng thân Bồ tát Quan thế âm, ba mươi hai khuôn mặt trên đầu Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Thế Âm Bồ Tát, ta nên vẽ tất cả các tôn giáo khác nhau, khuôn mặt các tộc người khác nhau, như thế sẽ có ý nghĩa hơn. Khi nhìn vào mọi người sẽ nhận ra ngay, tất cả đều được vẽ giống nhau, bạn sẽ không nhận ra, đây chính là điểm người họa sĩ không nhận ra. Nếu hiểu được ý nghĩa, họ sẽ vẽ những khuôn mặt khác nhau, vẽ khuôn mặt Phật Thích ca, vẽ khuôn mặt Jesus, Mohammad. Khi mọi người nhìn vào, họ thấy đó là sự biểu hiện của văn hoá đa nguyên, nên vẽ như thế mới thích hợp.

Khi ở Malaysia, chúng tôi đã bàn chuyện này với ông Ma Ha Trừ, tôi cũng đã tặng ông ấy một bức tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Âm. Ông ta vui vẻ đón nhận, nó nói lên điều gì? Tất cả các tôn giáo đa nguyên đều có nguồn gốc từ một vị thần, vậy tại sao thần lại chia ra nhiều tôn giáo, phải hoá ra nhiều thân như thế? Đó là do phương tiện giao thông xã hội ngày xưa chưa phát triển, chưa liên kết được với nhau. Muốn giáo hoá chúng sinh, các thần phải hiện thân, phải hiện thân người ở xứ đó, giống như người bản địa, giống như văn hoá bản địa mới giáo hoá được.

Bây giờ không như thế, bây giờ là thế giới phẳng, ngày trước muốn đi từ Nam Dương đến Nhật Bản phải mất hàng tháng lênh đênh trên biển, bây giờ chỉ mất hai, ba giờ đồng hồ là đến. Bởi thế bây giờ cần hợp nhất tất cả lại, ngày trước phải phân tán, bây giờ phải hợp nhất, như vậy mới phù hợp.

Chúng tôi không bao giờ quên được câu chuyện của Lão Hoà Thượng Trung Thôn khi lần đầu tiên chúng tôi gặp mặt. Không sai chút nào, tất cả những gì ngài nói chúng tôi đều thừa nhận, tất cả đúng như thế. Bởi thế đây chính là tâm đại bi cứu khổ cứu nạn của Bồ Tát Quan Thế Âm.

Trong những tộc người khác nhau, những nền văn hoá khác nhau, ngài đều thị hiện dưới rất nhiều hình thức. Quý vị cứ nghe nội dung lời dạy, phương hướng, mục tiêu, tông chỉ của ngài, tất cả đều là một. Quý vị xem tất cả kinh điển của các tôn giáo, đều là đại đồng tiểu dị.

Có một điều mà tất cả các tôn giáo đều dạy, đó là hiếu thuận cha mẹ, mỗi tôn giáo đều dạy. Nhưng tìm không ra một câu hiếu thuận cha mẹ trong các kinh điển tôn giáo, tựa hồ không thấy. Ngược lại, lòng yêu thương lại rất phổ biến, không một tôn giáo nào không dạy lòng yêu thương con người. Tất cả

những thứ này chúng ta cần phải hiểu, hiểu thuận cha mẹ, thương yêu tất cả mọi người đó là giáo nghĩa chung, tôn chỉ chung, đó là từ bi trong Phật Pháp, đại từ đại bi, từ bi là thương yêu.

Tân Cựu Ước là kinh điển chung của ba tôn giáo, người theo Do Thái Giáo học Cựu Ước, người theo Cơ Đốc học Tân Ước, người theo đạo Thiên Chúa học cả Tân Cựu Ước, ba tôn giáo này đều chung một nhà.

Có lần tại Singapore, có năm sáu người từ Nam Phi đến thăm, người châu Âu. Họ chất vấn về cách nhìn của chúng tôi đối với vấn đề tôn giáo của người châu Âu như Do thái giáo, Thiên chúa giáo, Cơ đốc giáo? Chúng tôi trả lời họ chỉ một nhà nhưng có ba phái, tôi đã ra một thí dụ cho họ. Do Thái Giáo là một phái của Hoàng thượng, Thiên Chúa Giáo là một phái của hoàng hậu, Cơ Đốc Giáo là phái của thái tử, họ hiểu được và gật đầu. Thí dụ của ngài quá chí lí, một nhà nhưng ba phái.

Bởi thế, ngày nay các tôn giáo cần bắt tay nhau, cần đoàn kết lại để cứu thế giới này. Không nên khen mình chê người, khen mình chê người là gây nên những sự xáo trộn, đi ngược lại lời dạy trong kinh điển, đi ngược lại chủ ý của tôn giáo, nhất định phải hợp tác, học tập lẫn nhau.

Ví dụ, chúng tôi là người Phật Giáo, chúng tôi biết tất cả những tôn giáo khác đều là hoá thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Trong truyền thống Phật Giáo, Quan Âm được mô tả như thế nào. Trong Cơ Đốc giáo được mô tả như thế nào, trong Thiên Chúa Giáo được mô tả ra sao, trong đạo Islam được mô tả thế nào, họ dạy cho tín đồ ra sao? Chúng ta nên lắng nghe, nghe nhiều, quan sát nhiều thì chúng ta có thể hiểu được.

Nếu đứng trên lập trường của đạo Islam, ta nên xem cách nhìn của Phật giáo về thánh Allah như thế nào, xem Khổng Mạnh trong truyền thống văn hoá Trung Quốc nghĩ ra sao, tất cả đều là hoá thân của thánh Allah. Ấn Độ giáo suy nghĩ như thế nào, quý vị quan sát sẽ thấy tất cả những vị sáng lập tôn giáo đều là hoá thân của thánh Allah, chỉ như thế bạn mới khỏi bài xích. Quý vị thử nghĩ, ở mỗi tộc người khác nhau, trong những môi trường văn hoá khác nhau thánh Allah sẽ giáo hoá mọi người như thế nào. Bởi thế tất cả mọi tôn giáo có thể đoàn kết, có thể học tập lẫn nhau, tất cả tôn giáo đều là con một nhà, không có sự mâu thuẫn trong đó.

Những gì dị biệt đó chỉ là thói quen sinh hoạt, có người thích đồ ngọt, có kẻ thích ăn cay, không giống nhau, nhưng không vấn đề gì, đó là chuyện nhỏ, giống nhau ở chỗ là đều vui vẻ khi ăn, ăn một cách thoải mái, ăn no là đã đạt mục đích.

Bởi thế, ngày nay chúng ta nên mở rộng tâm lượng, nhà Phật gọi tâm ôm hư không bao trọn cả thế giới. Nhất định phải mở rộng tâm lòng, nhất định phải bao dung, cần phải cố gắng học hỏi. Chúng tôi đã tham cứu kinh điển của mười mấy tôn giáo, tất cả những ưu điểm của họ tôi đều ghi chép thành một cuốn sách nhỏ, lấy tên “Tôn giáo thế giới là một nhà”. Những dòng ghi của chúng tôi về kinh điển tôn giáo.

Bởi vậy, kinh điển Phật giáo đã giới thiệu tại thế giới Cực Lạc, Bồ tát Quan âm là trợ thủ cho Phật A Di Đà. Ngài là một vị Phật đã chứng từ lâu, đây là một vị Phật đã chèo ngược thuyền từ trở lại, dùng thân hình một vị Bồ Tát để giúp đỡ Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc.

Khi hiểu câu chuyện này, chúng ta nghĩ ngay đến tất cả các đức Phật Như Lai trong mười phương. Tại sao? Không ai trong số họ không ca ngợi Phật A Di Đà, nếu chỉ ca ngợi thôi mà không giúp đỡ thì đó là giả dối, không phải thật tâm. Nhất định họ phải giúp đỡ, giúp đỡ chính là giúp đỡ Phật A Di Đà dạy học, dưới thân phận một vị Bồ Tát. Bởi thế khi vãng sanh thế giới Cực Lạc ta không thể xa rời được thế giới Cực Lạc, không cần phải đi thăm các đức Phật Như Lai trong mười phương nữa vì tất cả các ngài đến thế giới Cực Lạc để dạy học hết rồi, ta được tiếp xúc với tất cả các ngài!

Lại Kinh Tam Muội Quan Âm viết: “Quan Âm đã thành Phật trước ta, có tên Chánh Pháp Minh Như Lai, ta là người đệ tử khổ hạnh”, “chữ ta ở đây chính là Phật Thích Ca”. Phật Thích Ca Mâu Ni tự xưng, Bồ Tát Quan Âm đã thành thành Phật trước Ngài, khi Bồ Tát Quan Âm thành Phật ngài còn làm một đệ tử khổ hạnh. Điều này nói lên Phật Thích Ca Mâu Ni có quan hệ với Bồ Tát Quan Âm, Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng làm đệ tử của Bồ Tát Quan Âm, ngài là người thầy của Phật Thích Ca.

Lại Kinh Thủ Lăng Nghiêm viết: “Trong vô lượng kiếp về trước, Bồ Tát Quan Âm, trước Cổ Quan Âm Như lai”, đây chỉ thời gian rất sớm, đây không phải là Bồ Tát Quan Âm ở thế giới Cực Lạc. Bồ Tát Quan Âm ở thế giới Cực Lạc, đây là Quan Thế Âm Như Lai, đây không phải một người.

“Thọ như huyễn văn, huân văn, tu pháp Kim Cang Tam Muội”, lúc bấy giờ Ngài tu pháp môn gì? Như huyễn văn, huân văn, tu pháp môn Kim Cang Tam Muội, tu pháp môn như vậy. “Từ văn tư tu để nhập tam ma địa, nghe lại tự tánh, đắc đạo vô thượng”, đạo vô thượng là thành Phật, đây là những lời trong Kinh Lăng Nghiêm. Từ vô lượng kiếp về trước, Bồ tát Quan Thế Âm đã thành Phật. Chương Quan Thế Âm Bồ Tát nhĩ căn viên thông của Kinh Lăng Nghiêm, nội dung chương này dành để nói về Bồ Tát Quan Thế Âm.

Có ba bộ kinh nói về Bồ Tát Quan Âm, tất cả đều không phải đứng độc lập, tất cả đều được kèm theo cuốn kinh chính. Quý vị xem đoạn đầu Kinh

Lăng Nghiêm, đây là Kinh Quan Thế Âm Bồ Tát. “Đại Thế Chí niệm Phật viên thông chương”, cũng là một bộ kinh chuyên dành giới thiệu Bồ Tát Đại Thế Chí. trong Kinh Lăng Nghiêm cũng có Bồ Tát Quan Âm, Kinh Hoa Nghiêm cũng có.

Kinh Hoa Nghiêm là đoạn Thiện Tài Đồng Tử năm mươi ba lần đi thăm viếng, đến thăm Bồ Tát Quan Thế Âm. Những lời khai thị của Bồ Tát Quan Thế Âm trong Kinh Hoa Nghiêm đã đề cập đến việc tu hành của bản thân ngài và việc giáo hoá chúng sinh, tất cả những việc làm của ngài đều được nói đến.

Địa Vị của Bồ tát là đệ thất hồi hướng, thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, đệ thất hồi hướng trong thập hồi hướng. Phổ Môn là phẩm đầu trong Kinh Pháp Hoa, chuyên giới thiệu Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Quan Thế Âm trong Phẩm Phổ Môn là một vị Bồ Tát Đẳng Giác. Qua ba bộ kinh này ta thấy được đẳng cấp khác biệt của Bồ Tát Quan Thế Âm.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nghiêng nặng về những việc tự hành trì của Bồ Tát, nói rất nhiều về việc ngài tu tập thế nào để thành công. Phẩm Phổ Môn trong Kinh Pháp Hoa hình như dành toàn bộ để nói về Bồ Tát cứu độ những chúng sinh khổ nạn như thế nào. Kinh Hoa Nghiêm nói cả hai, việc Thiện Tài Đồng Tử đi thăm viếng và việc ngài tự hành hoá tha. Trong ba bộ kinh nói về Quan Âm, Đức Thế Tôn đã đặc biệt giới thiệu cho chúng ta.

Chúng ta tiếp tục xem phần sau đoạn cuối kinh văn, nếu trong thế gian này có những tai nạn, khi những tai nạn đó bất ngờ ập đến, bạn kí thác thân mạng mình nơi Bồ Tát, một lòng xưng niệm thì tai nạn đó sẽ được hoá giải. Đây chính là lòng từ bi vô lượng của Bồ Tát Quan Thế Âm và cũng là thành tựu viên mãn công đức bốn nguyện của ngài. Nếu ngài không trải qua nhiều kiếp tu hành thì làm sao có năng lực như thế, giống như việc kiến tạo thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, ngài phải trải qua năm kiếp tu hành.

Muốn cảm ứng đạo giao với Bồ Tát, chúng ta cũng phải chuẩn bị đầy đủ điều kiện. Điều kiện của chúng ta càng sâu sắc thì sức gia trì của ngài càng lớn. Nếu chúng ta không chuẩn bị một thứ điều kiện gì cả, ngài cũng gia trì, nhưng sức gia trì không được lớn lắm. Có thể khó qua khỏi tai nạn nhưng ít nhất nó cũng được giảm bớt. Nếu công đức, sức lực chúng ta đầy đủ, cộng với sự gia trì của Bồ Tát, ta có thể thoát khỏi tai nạn.

Ta phải nắm vững vấn đề này để khỏi trách cứ Bồ Tát linh hay không linh. Tại sao ngài gia hộ cho người kia nhiều mà gia hộ tôi ít vậy, Bồ Tát thiên vị, nếu bạn nghĩ như thế thì bạn đã tạo thêm tội nghiệp. Nguyên tắc cơ bản của việc gia trì là chúng ta có một phần công đức thì Phật gia trì một phần, ta có mười phần công đức thì Phật sẽ gia trì mười phần. Nếu ta không có chút công đức nào, tất cả những gì ta có đều là tội nghiệp, thì rắc rối rồi đây. Bồ

Tất muốn gia trì cũng không thể gia trì được, chứ không phải ngài không gia trì bạn.

Phần lớn người trên thế gian đều tạo nghiệp, tuy vậy vẫn có những người chân tu, nên những người tạo nghiệp vẫn còn may mắn đó là hưởng phước của người chân tu. Nhưng họ không hiểu đó là những người thực tâm tu hành mà còn mắng họ, sỉ nhục họ, coi thường họ. Trên thực tế, công đức tu hành của họ đã làm giảm nhẹ những tai nạn trong hiện tại của mình. Đó chính là điều những người này không biết để trả ơn vì không hiểu rõ chân tướng sự thực, đây gọi là vong ân bội nghĩa.

Tuy vậy nhưng người tu hành không bao giờ trách cứ những người đó, tại sao? Họ rất đáng thương, không có ai dạy dỗ cho họ. Vốn họ cũng là những vị Phật, nhưng tại sao họ lại làm những việc sai trái như thế? Không ai dạy dỗ, bị tiêm nhiễm bởi những hủ tục, bị những thế lực như tập quán, hủ tục của xã hội lôi kéo, chúng ta không nên trách họ. Bản thân họ không biết, lại đang tạo nghiệp, họ thực sự là những người đáng thương, trong tương lai họ còn mang quả báo. Chưa lúc nào tâm Bồ Tát hết hi vọng hoá giải tất cả những tai nạn cho chúng sinh, chỉ cần họ phản tỉnh, họ sám hối thì việc hoá giải nằm trong tầm tay, không phải viên vông.

Trong kinh Phật đã lấy một thí dụ, tội nghiệp được so sánh như bóng tối, căn nhà tối cả nghìn năm, chỉ cần đốt lên một ngọn đèn, ngọn đèn đó chính là sự phản tỉnh, giác ngộ, thì tội nghiệp được tiêu trừ ngay.

Nên biết rằng, công năng của định chỉ đè ép được tội nghiệp vào một nơi, để nó không thể phát tác, chứ không phải tiêu diệt. Trí tuệ mới triệt tiêu được nó, khi trí tuệ được mở ra thì tội nghiệp liền được tiêu diệt. Bởi thế, giới định chỉ mới đè ép phiền não, giới chế phục cạn, còn định chế phục sâu hơn, nhưng tuệ có thể triệt tiêu luôn phiền não. Đây là tam học giới định tuệ, tác dụng của nó là ở chỗ đó.

Quán Kinh nói, đây là Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật: “Trong ánh sáng tròn đầy trên đỉnh đầu của Bồ Tát có năm trăm hoá Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi hoá Phật có năm trăm hoá Bồ Tát, vô lượng chư thiên đứng hầu”. Đây là tướng Bồ Tát thị hiện, khi tạo hình tượng Bồ Tát Quan Âm và Bồ Tát Đại Thế Chí, mới nhìn qua giống nhau, nhưng kì thực có sự khác biệt.

Khác biệt ở đâu? Khác ở chỗ những chiếc mũ đội. Ánh sáng tròn đầy trên đỉnh đầu, những chiếc mũ các Ngài đội. Trong những chiếc mũ ấy thì trên mũ của Bồ Tát Quan Thế Âm có tượng Phật, tượng Phật đứng, đó là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, tượng đứng. Trên mũ Bồ Tát Đại Thế Chí là một bình báu, quý vị xem họ được phân biệt rất rõ ràng, có sự khác biệt.

Trên tay Bồ Tát Quan Thế Âm thường cầm cành dương, cách thức biểu trưng không giống nhau, Bồ Tát Đại Thế Chí biểu trưng trí tuệ, Bồ Tát Quan Thế Âm biểu trưng cho từ bi. Hành môn là “từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa đi vào”, bởi thế cứu độ tất cả chúng sinh khổ nạn. Dụng ý trong việc biểu trưng trí tuệ của Bồ Tát Đại Thế Chí rất sâu sắc, nếu từ bi không có trí tuệ thì từ bi đó chỉ mang đến những tác dụng không như ý muốn.

Bạn nghe nhà Phật thường nói: “Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa đi vào”, nhưng còn có hai câu nữa, “từ bi thường mang theo tai hoạ, phương tiện chỉ là hạ sách”, ta phải hiểu câu này như thế nào? Nếu từ bi mà không có trí tuệ, thì kết quả sẽ là tai hoạ, đó là hạ sách, ý nói Quan Âm và Thế Chí đều không thể thiếu. Quan Âm bên ngoài, Thế Chí bên trong, bên ngoài là từ bi, bên trong là trí tuệ, như thế mới có thể cứu giúp được tất cả chúng sinh.

Phật biểu trưng cho tự tánh, đại diện lí thể. Tự tánh, lí thể không có hình tướng nên nó không có biểu hiện, tượng trưng cho bản thể. Tượng trưng của Bồ Tát là từ thể khởi dụng, từ thể khởi dụng chính là hai loại, một là trí hai là hành. Bồ Tát Đại Thế Chí biểu trưng trí, Bồ Tát Quan Thế Âm biểu trưng hành. Trí với hành là một chứ không phải hai, trí hành hợp nhất. Đây là điều được triết học đề cập đến, bởi thế trong Phật pháp đã ẩn chứa thứ triết học cao sâu.

Hiện tượng, Quán Kinh nói đến hiện tượng. Có năm trăm hoá Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi một hoá Phật, mỗi một vị hoá Phật đều có năm trăm Bồ Tát, lại còn có vô lượng chư thiên theo hầu, đứng vây quanh đức Phật.

“Lại tượng hào quang nơi giữa lông mày có đủ màu sắc bảy báu, phóng ra tám vạn bốn nghìn thứ ánh sáng, trong mỗi tia sáng có vô lượng vô số trăm nghìn hoá Phật, mỗi một hoá Phật có vô số Bồ Tát hầu hạ”, tất cả những mô tả đó đều mang tính tượng trưng.

“Hào quang giữa lông mày”, hào quang màu trắng, ánh hào quang màu trắng, trong ánh sáng đó có đủ màu của bảy thứ báu. Số 7, ta đã biết tính tượng trưng của nó.

“Vô lượng màu sắc kì diệu”, có nghĩa là vô lượng ánh sáng màu sắc châu báu, ở đây muốn nói lên điều gì? Biểu trưng tánh đức. Đó là điều khi kiến tánh, đại sư Huệ Năng đã nói: “Nào ngờ tự tánh, vốn nó đã đầy đủ”, mang ý nghĩa như thế. Trong tự tánh đã có đủ vô lượng vô biên trí tuệ, đức tướng, dùng bảy báu để thí dụ.

“Phóng ra tám vạn bốn nghìn thứ ánh sáng”, ở đây hàm ý tám vạn bốn nghìn pháp môn của Phật Pháp. “Mỗi mỗi ánh sáng có vô lượng vô số trăm

nghìn hoá Phật”. Mỗi pháp môn trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, đều có thể tạo nên sự thành công cho vô lượng vô biên chúng sinh thành Phật. “Pháp môn bình đẳng, không cao không thấp”, vì sao? Tất cả đều được sinh ra từ tự tánh, tất cả đều từ miệng Phật nói ra, nên tất cả pháp môn đều bình đẳng.

Khen mình chê người đó chính là huỷ báng Tam Bảo, chắc chắn không thể chấp nhận được. Tại sao Phật lại nói nhiều pháp môn như thế? Là bởi trong tự tánh vốn đủ, pháp vốn như thế. Nếu bạn hỏi tại sao Phật lại nói như thế, lí do căn tánh không giống nhau, nên một pháp môn không thể độ hết tất cả chúng sinh.

Phật rất từ bi, quý vị thích pháp môn nào thì dạy pháp môn đó. Tuy pháp môn vô lượng vô biên, nhưng trên thực tế nó vẫn có những điểm chung, bí quyết chung, bởi thế nó bình đẳng. Giống nhau ở đâu? Đó là nhìn thấu, buông bỏ. Bất kì một pháp môn nào đều không thể tách rời nhìn thấu, buông bỏ. Vì thế chỉ cần nhìn thấu, buông bỏ thì quý vị có thể thành Phật, công đức đã viên mãn.

Tất cả các pháp môn đều như thế cả, nếu chú ý quan sát, học hỏi, ta sẽ phát hiện ra ngay. Không có một pháp môn nào không dạy chúng ta nhìn thấu, buông bỏ. Bởi thế, nhìn thấu, buông bỏ đã trở thành cương lĩnh chung, nguyên tắc chung của việc tu học Phật Pháp. Nếu không quý vị bạn nhìn thấu, không dạy quý vị buông bỏ thì việc học tập sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Dùng tất cả sức lực, tiêu tốn bao nhiêu thời gian, nhưng vẫn không bước vào được cửa, không thể không biết điều này.

Ngày nay chúng ta đã hiểu rõ, liệu đã buông bỏ chưa? Chưa, nếu đã buông bỏ thì đã chứng quả, tại sao chúng ta không chịu làm? Đây là điều đại sư Chương Gia đã nói với chúng ta, nếu chưa hiểu rõ thì việc nhìn thấu của quý vị sẽ có vấn đề, thực sự nhìn thấu, không cần ai khuyên bảo vẫn tự buông bỏ. Bởi thế ngài dạy chúng ta, biết tu học Phật Pháp rất khó nhưng khi thực hành lại rất dễ, dễ buông bỏ nhưng lại khó hiểu, nghĩa là rất khó để nhìn thấu.

Phật Thích Ca Mâu Ni dành bốn mươi chín năm để thuyết pháp, dạy học, vì sao? Giúp quý vị nhìn thấu, hiểu rõ chân tướng sự thực, lúc đó quý vị mới thực sự buông bỏ, khi buông bỏ được rồi thì Phật không cần dạy nữa. Quý vị vẫn tự nhiên buông bỏ, tại sao? Quý vị muốn thành Bồ Tát, muốn thành Phật, muốn thoát khỏi luân hồi lục đạo, muốn vượt thoát thập pháp giới. Chỉ cần buông bỏ là được, không buông bỏ được thì không thể rời bỏ được.

Bởi vậy không cần Phật dạy vẫn cứ buông bỏ nhưng cần Phật dạy để nhìn thấu, lia khổ được vui, đó là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung của nền giáo dục Phật giáo. Rất nhiều thứ khổ, ba thứ khổ của chúng sinh lục đạo lúc nào cũng có mặt. Cái khổ do phiền não vô minh, khổ do phiền não trần sa, cái khổ

của phiền não kiến tư, tất cả những thứ đó đều là nguyên nhân để không thể thoát khỏi lục đạo.

Cứ nhìn xã hội chúng ta ngày nay, nói thật tất cả đều không thoát khỏi ba ác đạo, tại sao? Bởi quý vị không chịu buông bỏ tham sân si. Tham lam chính là nguyên nhân tạo nghiệp đầu tiên trong cõi quỷ đói. Sân hận là nguyên nhân tạo nghiệp đầu tiên trong cõi địa ngục. Ngu si là nguyên nhân tạo nghiệp đầu tiên trong cõi súc sinh. Quý vị không chịu buông bỏ ba thứ này, tất cả những thứ quý vị tạo đều là những nguyên nhân dẫn đến nghiệp tam đồ, những nguyên nhân này sẽ mang lại quả báo trong tam đồ. Học Phật cũng không được, niệm Phật cũng không được, muốn niệm Phật đòi hỏi bạn phải buông bỏ mới được, không thể không buông bỏ.

Pháp Sư Quán Đỉnh Từ Vân, một vị đại đức sống vào khoảng năm Càn Long đời nhà Thanh, vị pháp sư này thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, trước tác rất nhiều. “Vạn Tục Tạng” của Nhật Bản đã đưa vào hơn hai mươi loại chú giải của Ngài, có cả thầy hơn năm mươi tác phẩm được viết trong cuộc đời ngài, có thể một nửa đã được đưa vào “Vạn Tục Bản”, những tác phẩm của Ngài rất có giá trị.

Trong tác phẩm “Đại Thế Chí Viên Thông Chương Sớ Sao”, đây là tác phẩm không dài, chỉ 244 chữ, còn ngắn hơn cả Tâm kinh, Tâm kinh có cả thầy 260 chữ, tác phẩm này chỉ vồn vẹn 244 chữ, quý vị thấy bản sớ sao cũng được xem là một tác phẩm, nội dung rất chi tiết.

Ngày trước chúng tôi đã giảng một lần và đã sử dụng bản sớ sao này. Mặt cuối của tác phẩm, những đoạn cuối của tác phẩm nói về niệm Phật, có độ một trăm quả báo khác nhau, có một trăm quả báo khác nhau khi niệm Phật. Thứ nhất là quả báo Địa Ngục A Tì, lúc bấy giờ khi đọc đến câu này chúng tôi không thể lí giải được, niệm Phật là một việc tốt, tại sao niệm Phật lại đi vào Địa Ngục A Tì? Chúng tôi đưa bản kinh đến tham vấn thầy Lí, vừa xem, thầy cho đây là một câu hỏi rất lớn.

Điều này chúng tôi không phải nói cho một mình thầy, tôi giảng kinh là giảng cho tất cả mọi người, tại sao điểm cuối của niệm Phật lại là địa ngục A tì? Là bởi chưa đoạn hết tham sân si mạn nghi, nói nghe ngọt như đường, hình dáng bên ngoài thật đạo mạo nhưng trong tâm toàn là giết, cướp, tà dâm, nói dối. Niệm Phật A Di Đà kiểu như thế thì quả báo nhận lấy chắc chắn là Địa Ngục A Tì. Nghe đến đó tôi mới ngộ ra, điều thứ nhất trong một trăm điều vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, vãng sinh thượng thượng phẩm. Cuốn sách này được học hội Tịnh tông ấn tông rất nhiều, số lượng phát hành cũng không ít, chúng ta hoàn toàn có thể tìm được, đây là tác phẩm dành riêng để nói về Bồ Tát Đại Thế Chí.

Bởi thế thực sự các pháp môn đều bình đẳng, bình đẳng ở đây bao gồm các pháp môn các tôn giáo khác, chúng ta đối xử bình đẳng với tất cả, tại sao? Tất cả chúng sinh vốn là Phật, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đã có Phật tánh thì trong tương lai nhất định sẽ làm Phật.

Mục tiêu cuối cùng của rất nhiều tôn giáo là thiên đường. Chúng ta nên hiểu, một số thiên đường thuộc cõi trời dục giới, một số thuộc cõi trời sắc giới. Nếu nghiêng về thiên định, tâm thanh tịnh, thì tất cả đều thuộc cõi sắc giới. Năm dục: Tài, sắc, danh, thực, thù, người Trung Quốc thường nói thất tình ngũ dục. Không đoạn được thất tình ngũ dục, chắc chắn sẽ ở dục giới, họ không thể đến được sắc giới. Bởi thế quý vị sinh lên tầng trời nào phụ thuộc vào việc đã buông bỏ được bao nhiêu, càng buông bỏ nhiều thì càng được nâng cao lên, không lỗ vốn khi buông bỏ, thực sự lợi thế khi buông bỏ! Nếu cứ khư khư thì càng thua thiệt, chúng ta phải hiểu được tất cả những điều này.

Khi mới bắt đầu học Phật, đại sư Chương Gia thường nhắc nhở tôi, tôi học được ba năm thì người vắng sinh. Lúc bảy giờ, mỗi tuần tôi đến thăm người một lần, mỗi lần như thế người dành một đến hai tiếng đồng hồ. Khi người không có khách, thời gian cho tôi có thể lên đến hai tiếng, còn lúc có khách thì chỉ một tiếng, đó là chuyện rất hiếm. Tất cả những nguyên tắc vàng đó tôi được hấp thụ từ người.

Bởi vậy, nhất định phải đọc được ý nghĩa của sự tượng trưng. Trong mỗi ánh sáng có vô lượng vô số trăm nghìn hoá Phật, hoá Phật này là số chúng sinh được giáo hoá. Bởi vậy hình tượng Bồ Tát Quan Âm mà chúng ta thấy là hoá thân chứ không phải ứng thân, vậy có ứng thân hay không? Có, nhưng bởi chúng ta giáp mặt nhưng không biết, không biết đó là ứng thân của Ngài. Ta có thể biết hoá thân là bởi ngài đột nhiên xuất hiện, nhưng ta không biết từ đâu tới và không biết đi về đâu, thực sự gặp mặt, trực tiếp nói chuyện với Ngài.

Khi tôi đang cầu học ở Đài Trung, trước đó tôi đã có một người thầy, vừa là hiệu trưởng khi tôi đang đi học tại Quý Châu, đó là tiên sinh Chu Bang Đạo. Sau này khi đến Đài Loan chúng tôi gặp lại thầy. Với bọn học sinh chúng tôi, thầy như một bậc phụ huynh với con em, rất mực yêu thương, rất mực quan tâm. Thời kì chiến tranh chúng tôi trở thành những học sinh lưu vong, bù lại chúng tôi được hai thầy săn sóc không thiếu một thứ gì. Chúng tôi cảm kích lắm, không ai trong chúng tôi không quý trọng các thầy, đôi lúc quý trọng các thầy còn hơn cha mẹ, các vị thực sự là những người tốt.

Phu nhân của thầy, ở lại Nam Kinh sau khi kháng chiến thành công, chúng tôi có dịp ghé qua căn nhà ở Nam kinh. Đây thực sự là một quần thể nhà cửa trù mật, sau cánh cổng là một khoảng sân với rất nhiều cây cỏ thụ,

tiến sâu vào một đoạn là công thứ hai, công thứ hai là sân vườn, đến cánh cổng thứ ba mới đến nhà chính. Bà nói với thầy Lí, là bởi họ cùng học Phật với thầy Lí, ngày trước họ là thầy giáo của chúng tôi nhưng khi học Phật bà trở thành bạn học Phật với chúng tôi.

Bà kể một câu chuyện trong đó bà thắc mắc chưa có lời giải. Bà nói, một hôm khi thầy giáo đi vắng, một mình bà với một hai người ở. Có một vị pháp sư ở núi Cửu Hoa đến nhà bà hoá duyên. Tự nhiên lại có người xuất gia xuất hiện, bà bèn hỏi nguồn gốc vị pháp sư, ngài cho biết mình đến từ núi Cửu Hoa. Hỏi tiếp ngài đến có việc gì? Hoá duyên. Bà hỏi tiếp ngài cần những gì? Ngài bảo cần năm cân dầu thơm. Lúc bấy giờ thầy giáo và vợ thầy vẫn chưa học Phật nên không đưa, không được đáp ứng, vị sư bèn ra đi.

Sư đi chưa được bao lâu tự nhiên sức nhớ, nhà mình rộng rãi, hai ba lớp cổng, nhưng không cánh nào mở cả làm sao vị sư ấy vào được? Khi sư đi, cửa vẫn không mở, ông ấy làm sao ra được? Mà chuyện thật chứ có phải ngủ mơ đâu, họ còn nói chuyện với sư rất lâu kia mà, câu chuyện cứ quay đi quẩn lại, không có câu trả lời. Cuối cùng bà nói với thầy giáo, thầy nói với bà, đây chính là hoá thân của Bồ Tát Địa Tạng, bà đã có duyên với Bồ Tát. Nghe thế, bà vô cùng ân hận, năm cân dầu thơm có đáng vào đâu, sao mình không phát tâm cúng dường.

Từ đây về sau bà đều tụng Kinh Địa Tạng mỗi ngày, mỗi ngày bà đều tu pháp môn Địa Tạng. Bà rất có công phu, đến độ nước đại bi bà trì chú có thể trị bệnh, cứu được rất nhiều người. Khi vãng sinh, người ta đã thu được hơn ba trăm viên xá lợi sau khi hoả thiêu, đó là điều rất khó đạt đối với một cư sĩ.

Đây là câu chuyện có thật về hoá thân. Lúc bấy giờ vẫn chưa ai để ý, cửa không mở làm sao vào được? Khi ra về, đột nhiên không thấy đâu, đi rồi, đến vườn đã không thấy bóng dáng, cửa ngoài cùng cũng đóng nhưng không thấy người. Phật độ người hữu duyên, nhân duyên ngày ấy, mãi đến mấy năm sau, khi gặp được thầy Lí mới thành tựu, nhân duyên đó mới thành tựu, cuối cùng cả nhà trở thành những tín đồ Phật giáo thuần thành.

Phần sau, tiếp tục giới thiệu Bồ Tát Đại Thế Chí, “Bồ Tát Đại Thế Chí, Đại Trí Đại Thế Bồ Tát”, thế ở đây là sức mạnh, đại trí đại lực. “Có thể đến bất cứ chỗ nào”, vì đại trí đại lực nên ngài có thể đi khắp mọi nơi, cõi hư không khắp pháp giới, không nơi nào ngài không đến, vì vậy mới có tên Đại Thế Chí, danh hiệu có từ đó.

Theo Kinh Lăng Nghiêm, “Đại sĩ dùng tâm niệm Phật để đi vào vô sinh nhẫn, không mượn phương tiện, tâm tự nhiên khai. Nay nhiếp người niệm Phật nơi cõi này quay về Tịnh Độ, cùng Bồ Tát Quan Âm hầu Phật A Di Đà”. “Đứng hai bên” ở đây có nghĩa yểm trợ Phật A Di Đà giáo hoá chúng sinh.

Chương Đại Thế Chí Viên Thông trong Kinh Lăng Nghiêm chuyên giới thiệu Bồ Tát Đại Thế Chí, Đại Thế Chí là vị Bồ Tát tu pháp môn niệm Phật. “Dùng tâm niệm Phật để vào cõi vô sinh nhẫn”, ngài thành Phật như thế nào? Thành Phật bằng cách niệm Phật, chỉ với phương pháp đơn giản như thế, niệm đến độ lí nhất tâm bất loạn. Lí nhất tâm bất loạn cùng đẳng cấp, cùng cảnh giới với minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ của Thiền Tông. Thiền Tông dùng phương pháp tham thiền để đạt đến, Bồ Tát Đại Thế Chí sử dụng phương pháp niệm Phật A Di Đà để đạt đến. Cùng một nguyên lí, nhưng bên dùng phương pháp niệm Phật. Đầu tiên là buông bỏ phiền não kiến tư để được sự nhất tâm bất loạn, sau đó buông bỏ phân biệt, khởi tâm, động niệm để đạt đến lí nhất tâm bất loạn, nghĩa là thành Phật.

Niệm Phật mà không thể buông bỏ phiền não kiến tư thì không thể thoát khỏi luân hồi lục đạo, kết quả niệm Phật sẽ là gì? Chỉ là phước báo cõi trời và cõi người, những người giàu có giữa thế gian này, tất cả đều do hưởng phước báo niệm Phật từ kiếp trước. Không phải nhà Phật, chắc chắn không thể đạt được quả báo lớn như thế. Không phải nhà Phật thì muốn tu được phước báo như vua chúa, ít nhất phải làm việc thiện trong mười đời. Nhưng theo nhà Phật, họ có thể thành tựu một lần.

Dùng tâm chân thành để tu thiện, vẫn chưa đoạn được phiền não kiến tư. Đoạn được phiền não kiến tư thì những kết quả anh ta tu tập được sẽ biến thành công đức, nghĩa là không phải phước đức. Công đức có thể giúp bạn vượt khỏi sanh tử trong tam giới, nhưng phước đức thì không thể, những gì phước đức mang lại đó là phước báo của loài người và cõi trời.

Nhưng chúng ta cứ thử nghĩ, mấy người đại phước đức mà không tạo nghiệp? Có quyền, có thế, làm vua, làm chúa, thích giết ai là giết, người khác sẽ bị khép tội chết khi giết người nhưng họ giết thì không sao. Giết người không phạm tội nhưng nhân quả vẫn phải trả, phải đền mạng, phải chịu quả báo, giết nhiều người quá thì phải đọa địa ngục. Sau khi chịu hết khổ báo ở địa ngục còn phải đền mạng, không thể trốn thoát được, mọi người phải hiểu rõ chân tướng sự thực này. Đừng sát sinh, ngay cả ăn thịt cũng không nên, ăn thịt cũng bị quả báo. Kinh Phật đã dạy, các vị đại đức ngày xưa thường khuyên: ăn họ nửa cân, kiếp sau phải trả tám lượng, đừng đắc ý. Sao phải tạo tội đó để tự chuốc lấy rắc rối cho mình, vì thế giáo dục nhân quả là thứ quan trọng nhất trong mọi thứ.

Niệm Phật là pháp môn đơn giản nhất, “dùng tâm niệm Phật để được vào cảnh giới vô sinh nhẫn” đó chính là thành đạo. “Không mượn phương tiện, tự đắc tâm khai”, phương tiện ở đây là những pháp môn khác, Ngài không dùng pháp môn nào trong tám vạn bốn nghìn pháp môn, chỉ theo đuổi một câu danh

hiệu Phật đơn giản mà được thành tựu. Vì vậy ngài có nhân duyên rất sâu nặng với Phật A Di Đà, Phật A Di Đà cũng dùng một câu danh hiệu Phật.

Phương pháp của Phật A Di Đà cũng không phải tự ngài sáng tạo ra mà từ những vị cổ Phật đã có, trước Phật A Di Đà đã có. Cái gọi là “thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”, quyết không thể thay đổi, khi niệm Phật đã thành tựu rồi thì tâm khai ý giải, đại triệt đại ngộ.

“Ngày nay ở thế giới này” đó chính là thế giới Ta bà, là thế giới của chúng ta đây, “nhiếp thọ những người niệm Phật”, chuyên nhiếp thọ những người niệm Phật “quay về Tịnh Độ”. Bồ Tát Đại Thế Chí tiếp dẫn chúng sinh cùng về Cực Lạc. Mỗi người niệm Phật, thực sự muốn niệm Phật cầu về Tịnh Độ, chắc chắn sẽ được Đại Thế Chí gia trì, đây là điều khẳng định. Cùng tu một pháp môn với ngài, ngài với Bồ Tát Quan Thế Âm đều là những trợ thủ của Phật A Di Đà, đó là những người trợ giáo cho Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc.

Quán Kinh nói: “Dùng ánh sáng trí tuệ chiếu soi tất cả, khiến lìa ba đường, được sức vô thượng, nên có danh hiệu là Bồ Tát Đại Thế Chí”. Đây là Bồ Tát giáo hoá người khác, Bồ Tát biểu trưng cho trí tuệ, Bồ Tát Quan Âm biểu trưng cho từ bi. Đại Thế Chí biểu trưng trí tuệ, trí tuệ soi chiếu tất cả, giúp tất cả chúng sinh phá mê khai ngộ, cần có trí tuệ để phá mê khai ngộ.

Khi mê được phá thì tam đồ, lục đạo sẽ biến mất. Lục đạo, tam đồ từ đâu mà có? Do phiền não kiến tư, chúng ta cứ làm theo lời Kinh Vô Lượng Thọ, lời Phật A Di Đà, tự nhiên sẽ thành tựu. Phật A Di Đà là nguyện lực, nhờ công đức tu hành năm kiếp nên thành tựu. Chúng ta là phiền não kiến tư, phiền não vô minh, phiền não trần sa nếu trải qua vô lượng kiếp tu hành cũng thành tựu, thành tựu những gì? Thành tựu luân hồi lục đạo, thành tựu khổ báo trong tam đồ, một đạo lí thật sự, không viển vông, tất cả đều thực hiện. Nhưng chúng ta đã sai phương hướng, người đi đường chính còn chúng ta đi đường tà, bởi thế tất cả pháp thế gian hay xuất thế, không một pháp nào không thành tựu một cách tự nhiên.

Trong kinh Phật có một từ gọi là: “Pháp vốn như thế”, tất cả pháp nó tự nhiên như thế. Bởi vậy chúng ta phải hiểu rằng tôn giáo là dạy học, nếu xa rời việc giáo dục thì tôn giáo trở thành mê tín, mê tín thì không phải tôn giáo. Cần làm rõ cách định nghĩa hai chữ tôn giáo, chúng ta có niềm tin tôn giáo, đầu tiên phải hiểu được hai chữ tôn giáo. Tin Phật, chúng ta phải hiểu được Phật giáo là gì.

Tôn, trong từ vựng Trung Quốc, quý vị thử tra tự điển, nó mang rất nhiều nghĩa, rất nhiều ý. Trong đó có ba ý chính, thứ nhất là chủ yếu, thứ hai là trọng yếu, thứ ba là tôn sùng, có ba ý chính như thế. Giáo là giáo dục, dạy

học, giáo hoá. Kết hợp hai chữ tôn giáo nó có nghĩa giáo dục chủ yếu, đặt nặng việc dạy học, tôn sùng việc giáo hoá, dạy như thế nào? Lên lớp, dạy học, không chỉ lên lớp, dạy học mà người thầy còn làm gương, thực hành.

Thành công của Phật Bồ Tát khi dạy học, quan trọng là ở chỗ tự mình làm gương, khuyên bảo. Đầu tiên là làm gương sau đó mới khuyên bảo, vì thế mới tạo niềm tin cho mọi người. Nói cách khác, thực hành tất cả những lời Phật dạy trong kinh, không thực hành được thì khoan nói đến chuyện gì, phải thực hành rồi sau hẵng nói.

Khi còn tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm gương cho chúng ta. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo của Ngài, tất cả đều được áp dụng vào đời sống hàng ngày, công việc là dạy học, việc dạy học chưa bao giờ bị gián đoạn. Thời đại đức Phật chưa có sách vở, giống như Khổng Tử, suốt đời dạy học Khổng Tử chưa bao giờ dùng sách giáo khoa. Cũng chưa có bất kỳ một tài liệu nào, ngay đề cương diễn giảng cũng không có. Có thể nói ra được rất nhiều lời như vậy, lại có hệ thống có tổ chức, mạch lạc, tất cả những thứ đó có thể tự đặt ra ư? Ai có khả năng làm việc đó? Nhất là ngày nay chúng ta nói đến khoa phán, nhưng những phương pháp này không có trong thế gian, chỉ có Phật pháp mới có.

Khi được sắp xếp bằng khoa phán, chúng ta mới hiểu được văn chương là hàng đầu, văn chương chiếm đầu bảng đã làm được những gì? Không tăng không giảm, thêm một câu là bạn đã làm cho nó thừa thãi, không cần thiết, nếu bạn bỏ đi mấy dòng nó sẽ rời rạc. Tất cả đều ăn khớp với nhau, đây là kết cấu của chương pháp. Từ góc độ kết cấu chương pháp ta có thể thấy được sự hoàn chỉnh, chặt chẽ của hệ thống tư tưởng. Hoàn chỉnh như vậy, chặt chẽ như vậy, đây không phải là việc làm của những người bình thường. Nếu đã được xem khoa phán quý vị không thể không phục, ai có khả năng thực hiện được những việc đó?

Khoa phán Bộ Kinh Hoa Nghiêm trở thành một bộ sách lớn. Khi được giải thích trình bày, minh họa bằng hình ảnh, ta mới thấy được sự chặt chẽ trong kết cấu chương pháp, mới cảm nhận hết trí tuệ của Phật. Những người đệ tử của ngài đã hoàn chỉnh tất cả những lời Phật đã dạy sau khi ngài đã nhập diệt.

Lúc bấy giờ không được sách vở ghi chép, rất nhiều trong số những đệ tử của ngài là người đã chứng quả, không phải là những người bình thường. Như ngài A nan, đều là những đại Bồ tát, cô Phật tái lai. Nên mới có thể chỉnh lí được như thế, đưa những lời dạy của Phật trở lại nguyên bản, không thay đổi khi được phiên dịch sang tiếng Trung Quốc.

Nên người Trung Quốc là những người có phước báo, người Trung Quốc đừng nên tự coi thường chính mình. Trung Quốc là dân tộc có truyền thống trung hiếu, mấy nghìn năm nay dân tộc Trung Quốc được bảo vệ bởi đạo đức luân lí. Nói cách khác, là dân tộc khởi xướng luân lí đạo đức.

“Dùng đức dày để đối xử với mọi việc”, tuy ngày nay đã có những rạn nứt, những rạn nứt này do đâu mà ra? Nếu những lời dạy của cổ thánh tiên hiền tiếp tục được lưu truyền thì làm sao có những rạn nứt, không thể có chuyện đó!

Người Trung Quốc có câu, hình như câu này nhắm đến những người ngày nay: “Không nghe lời người lớn, mắt mắt ngay trước mắt”, câu nói đó rất đúng với con người ngày nay. Không nghe lời dạy bảo của những bậc trưởng thượng, không tin bản thân mình, thất bại ngay trước mắt.

Ví như người thầy thuốc, mấy năm trước, khi tôi còn thanh niên, thầy Phương đã nói với tôi, ngành y Trung Quốc có lịch sử năm nghìn năm. Trong lúc đó tây y chỉ mới ba trăm năm, thầy hỏi tôi, con nghĩ con tin tưởng ba trăm hay năm nghìn năm? Năm nghìn năm chưa bao giờ để xảy ra một chuyện gì, bây giờ choáng ngợp trước những gì chỉ mới ba trăm năm. Những gì người Trung Quốc chúng ta đạt được quá cũ kĩ, quá già nua, bỏ qua những gì mình có, dùng những thành tựu của người khác. Một khi đã chạy theo người khác thì sai lầm bắt đầu có mặt.

Con người thời nay không hiểu rõ thuốc Bắc. Thầy tôi, lão cư sĩ Lí Bình Nam, là một người rất yêu thích dùng thuốc Bắc, ngài là y sĩ thuốc Bắc. Tiệm ngài không có biển hiệu, ngài là người dạy học, ngài nói với tôi: Tôi chưa bao giờ phạm sai lầm trong suốt đời bốc thuốc cứu người. Đây là điều ngài dám bảo đảm, chưa bao giờ chẩn đoán sai, chưa bao giờ bốc thuốc sai.

Ngày đó tôi định học với ngài, ngài bảo: Tuổi con không còn phù hợp nữa, nếu con độ hai mươi, muốn đến học, ta sẽ nhận ngay. Khi tôi định học tôi đã 31, ngài khuyên tôi nên cố gắng học Phật, nên chuyên tâm vào việc học Phật. Ngài cho tôi hay, thuốc Bắc, tác dụng của nó là gì?

Tác dụng đầu tiên đó là trường sinh bất lão, đây chính là y học Trung Quốc phát biểu. Mục tiêu đầu tiên đó là mạng sống con người, con người là một cỗ máy, nếu bạn biết cách bảo dưỡng, biết cách chăm sóc, cỗ máy này có thể sử dụng đến hai trăm năm. Con người sống đến hai trăm tuổi mới thực sự gọi là sống thọ, nếu không đạt đến tuổi đó là do bạn không biết cách chăm sóc, bạn đang phá hỏng cơ thể mình. Vì thế y học Trung Quốc là hi vọng chúng ta sống đúng với tuổi thọ, đây là điều kiện đầu tiên chứ không phải trị bệnh, mà là sức khoẻ sống lâu, nó nói đến vấn đề này.

Tác dụng thứ hai đó là làm sao để tránh tật bệnh, tức là phòng bệnh, tức nói đến vấn đề này. Bệnh từ đâu mà có, nguyên nhân do đâu, ta phải cắt ngay tất cả những nguyên nhân để có một cuộc sống không tật bệnh. Không chịu nổi khổ bệnh tật, đây là mục tiêu thứ hai của y học Trung Quốc.

Thứ ba mới là trị bệnh, điều đầu tiên trong việc trị bệnh là không cần hỏi, xem sắc khí của bạn, nghe tiếng nói, nhìn động tác của bạn, có thể biết bạn không ôn chỗ nào, không cần hỏi, đây gọi là “vọng”. Chỉ cần nhìn là có thể biết, chúng ta cũng có thể hiểu được vấn đề này, khoa học đã bàn rất rõ vấn đề này.

Khí sắc khí khác nhau rất rõ rệt khi tâm địa một người đang mạnh khỏe so với một người ốm đau. Giọng nói khác, hành động khác, y sĩ có thể nhìn thấy được, đó là những thầy thuốc cao minh. Loại thứ hai, không đạt đến trình độ đó, cần phải hỏi, gọi là “vọng văn”. Cần phải hỏi thăm, bạn thấy đau nhức chỗ nào, hỏi han. Loại thứ ba, không phát hiện ra bệnh sau khi hỏi, phải bắt mạch, bởi thế bắt mạch thuộc hạng thứ ba.

Quý vị xem mục đích của y học Trung Quốc, thứ nhất là bàn đến sống thọ, nói đúng là dưỡng sinh, sống khỏe sống lâu. Mục đích thứ hai là phòng ngừa tật bệnh, thứ ba mới trị bệnh, vì vậy trị bệnh được xếp thứ ba. Thứ ba mới là bắt mạch, được gọi là y sĩ “tam đẳng tam”, bắt mạch là y sĩ tam đẳng tam, rất có lí, thực sự mang tính bác học!

Khi một bác sĩ y học Trung Quốc bắt đầu hành nghề, ít nhất phải kế thừa ba đời. Từ một, hai tuổi đã phải ở bên những người đi trước để học cách trị bệnh, xem cách thức họ làm. Đó là giai đoạn bắt đầu học, truyền từ đời này đến đời khác. Đời này không có lòng tin, y học là một đại học vấn.

Chúng tôi đã học một số phương pháp dưỡng sinh với thầy giáo, phương pháp này áp dụng nguyên lí trong kinh Phật. Quan trọng nhất là tâm địa thanh tịnh, quyết ngăn không để phiền não quấy rối. Những nhân tố dẫn đến phiền não, đầu tiên phải kể đến truyền hình, máy vi tính, báo chí, tạp chí, đâu đâu cũng thấy những lời dối trá. Chúng ta cố gắng không nghe, không xem.

Bởi thế năm mươi năm nay tôi không xem truyền hình, truyền hình, cũng như một số sách báo, tôi quyết không để mắt đến. Không những không xem mà một số sách vở được bán ở các quầy hàng, tôi cũng không mua. Tại sao không đọc? Cứ đọc một vài trang đầu về bản quyền, “bản quyền đã đăng kí, không được sao chép dưới mọi hình thức”, đại loại như vậy là tôi không xem, rất nhiều người thắc mắc với tôi về việc này? Tôi cho rằng vì tâm lượng họ nhỏ nhoi quá, nghiêng về tâm tự tư, tự lợi, những người như thế làm sao viết ra được thứ gì ra hồn? Xem họ chỉ tổ lãng phí thời gian nên tôi không xem. Sách của cổ nhân Trung Quốc: “Hoan nghênh án tống, công đức vô lượng”,

tôi rất thích xem những cuốn như thế, nếu họ giữ bản quyền, tôi nhất định không xem.

Cứ làm bạn với cô nhân, làm bạn với Phật, Bồ Tát, tâm các bạn sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, ăn chay, sống giản dị thì bệnh tật sẽ tránh xa, đây cũng là bí quyết giúp trẻ mãi. Trong đó nền tảng chủ yếu là y học Trung Quốc đã khuyên bảo chúng ta, chỉ cần chúng ta cố gắng học một chút nhưng kết quả mang lại rất lớn.

Thời gian không cho phép, bài học chúng ta kết thúc ở đây.

Hết tập 449